

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ M'GAR
TỈNH ĐĂK LĂK**

Bản án số: 24/2022/HNGD-ST
Ngày 21/7/2022 “V/v: tranh
chấp hôn nhân và gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ M'GAR , TỈNH ĐĂK LĂK

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán-chủ toạ phiên tòa: Ông Y Lợi Niê

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Mạnh, bà Trần Thị Thanh Thẩm

- *Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ M'gar.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ M'gar, tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.*

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ M'gar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGD, ngày 26 tháng 01 năm 2022, về việc: “*tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXX-ST ngày 17/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022//QĐST-HNGD ngày 05/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Hữu L, sinh năm 1956 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã ET, Tp. BMT, tỉnh DL.

- Bị đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn KN, xã CD, huyện CM, tỉnh DL.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Hoàng Hữu L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Hữu L với bà Phan Thị L đến với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/11/2007 tại UBND xã ET, Tp. BMT, tỉnh DL. Quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung.

Về tình cảm vợ chồng, lúc đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng về quan điểm và lối sống; thường xuyên cãi nhau. Điểm điểm là khoảng thời gian tháng

6/2010 vợ chồng tiếp tục có mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng quyết định sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng để hàn gắn, vì vậy ông đề L nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn bà L.

Về con chung: Không có nên ông L không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí LHST: Ông L phải chịu theo quy định của pháp luật.

* **Bị đơn bà Phan Thị L trình bày:**

Quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị L thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung đúng như ông L trình bày.

Về tình cảm vợ chồng: Bà L thừa nhận lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng về quan điểm và lối sống, vợ chồng sống thiếu hiểu nhau dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xung đột, bất hòa. Điểm điểm vào tháng 6/2010 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng nên đã quyết định sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, ông L yêu cầu ly hôn thì bà L đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tòa án giải quyết mặc dù đã nhiều lần Tòa án đã giấy triệu tập, thông báo phiên họp, phiên hòa giải cho bà L đúng quy định của pháp luật nhưng bà Phan Thị L cố tình lẩn tránh, không đến tòa tham gia phiên họp và phiên hòa giải.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: Về cơ bản đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng; Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bị đơn là “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”; và bị đơn bà Phan Thị L có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Buôn KN, xã CD, huyện CM, tỉnh DL, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Mặc dù được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Hữu L với bà Phan Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình. Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân, giữa ông L và bà L nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà các bên không có biện pháp hòa giải hay ý thức khắc phục. Đặc biệt là giữa ông L và bà L cũng đã sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2010 cho đến nay. Nay ông L khẳng định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của ông L là chính đáng nên cần chấp nhận.

Về con chung: Ông Hoàng Hữu L và Phan Thị L không có con chung, vì vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Dương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn ông Hoàng Hữu L sinh năm 1956 (trên 60 tuổi) là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên ông L được miễn án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Hữu L.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Hữu L được ly hôn với bà Phan Thị L.

- Về con chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Dương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Hoàng Hữu L được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea Tu, Tp. Buôn Ma Thuột;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Y Lợi Niê

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Noi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea Tu, Tp. Buôn Ma Thuột;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Lợi Niê